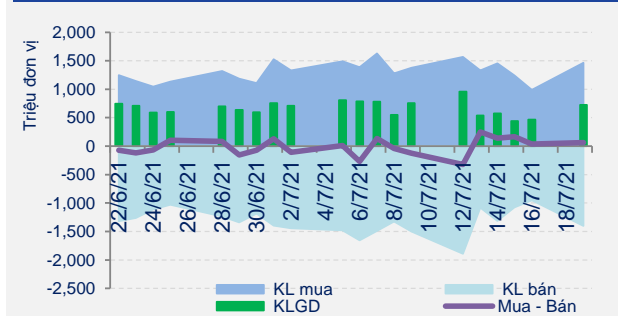
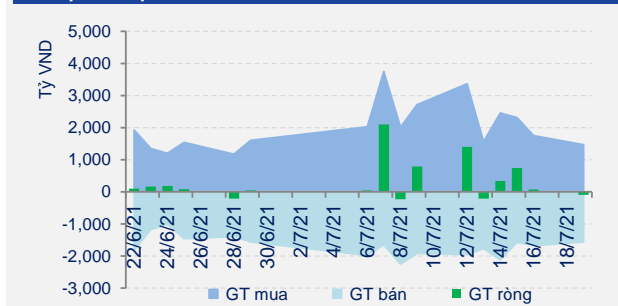


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/7/2021

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,243.51 | 292.06 |
| % Thay đổi | ↓ -4.29% | ↓ -5.10% |
| KLGD (CP) | 723,338,670 | 130,128,351 |
| GTGD (tỷ đồng) | 21,644.64 | 2,855.49 |
| Tổng cung (CP) | 1,400,109,200 | 217,024,500 |
| Tổng cầu (CP) | 1,463,734,800 | 143,833,700 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 38,762,934 | 417,697 |
| KL mua (CP) | 33,271,234 | 1,289,170 |
| GTmua (tỷ đồng) | 1,462.51 | 28.96 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,560.85 | 13.50 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (98.35) | 15.46 |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -2.65% | 21.5 | 3.1 | 2.2% |
| Công nghiệp | ↓ -1.57% | 18.3 | 2.6 | 5.6% |
| Dầu khí | ↓ -5.14% | 24.9 | 1.9 | 3.1% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -4.36% | - | 8.7 | 4.0% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.49% | 16.1 | 2.3 | 0.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -1.89% | 19.7 | 4.1 | 6.1% |
| Ngân hàng | ↓ -6.16% | 12.7 | 2.4 | 31.1% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -5.29% | 14.5 | 2.3 | 17.0% |
| Tài chính | ↓ -3.64% | 18.9 | 3.3 | 29.2% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↓ -3.31% | 15.0 | 2.4 | 1.2% |
| VN - Index | ↓ -4.29% | 17.7 | 3.1 | |
| HNX - Index | ↓ -5.10% | 16.9 | 3.7 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm mạnh trong phiên đầu tuần với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 55,8 điểm (-4,29%) xuống 1.243,51 điểm; HNX-Index giảm 15,7 điểm (-5,1%) xuống 292,06 điểm. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với 795 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt 22.523 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 105 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 622 mã giảm. Thị trường giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và mạnh lên sau đó khiến các chỉ số đồng loạt kết phiên ở gần mức thấp nhất. Các nhóm cổ phiếu tăng mạnh thời gian qua như ngân hàng, chứng khoán, thép bị bán mạnh với nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn như CTG (-6,9%), VPB (-7%), TCB (-7%), VIB (-6,9%), MSB (-6,9%), LPB (-6,9%), TPB (-6,9%), VCI (-6,9%), FTS (-7%), VDS (-6,9%), AGR (-6,7%), CTS (-6,8%), HCM (-6,9%), MBS (-9,8%), NKG (-6,9%), POM (-6,7%), TLH (-6,9%)... Bên cạnh đó, nhiều Bluechips như BVH (-5,9%), FPT (-2,4%), HPG (-5,2%), MSN (-0,9%), VNM (-1%), VIC (-2,7%), SAB (-2,2%), VHM (-4,3%), VRE (-3,2%), MWG (-6,9%)... cũng đồng loạt giảm khiến thị trường giảm sâu. Ở chiều ngược lại, DHG (+2,1%), GMD (+1,2%), VCS (+2,5%), VTP (+0,2%), MML (+14,1%) là những midcaps ngược dòng đáng chú ý trong phiên hôm nay.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index giảm mạnh (-4,29%) trong phiên đầu tuần với thanh khoản vượt trên mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là khá mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang đi trong sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.210 điểm nên dự địa giảm là vẫn còn. Tuy nhiên, thường thì sau một phiên giảm mạnh với thanh khoản cao thì thị trường sẽ dần có diễn biến ổn định hơn khi bên mua và bên bán tìm được vùng cân bằng trong ngắn hạn. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 20/7, thị trường có thể sẽ biến động giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.210-1.260 điểm (fibonacci retracement 31,8% - 50% sóng tăng 5). Nhà đầu tư đã nâng tỷ trọng cổ phiếu lên mức trung bình trong phiên hôm nay quanh ngưỡng 1.260 điểm nên tiếp tục quan sát thị trường trong các phiên tới và có thể nâng thêm tỷ trọng cổ phiếu nếu VN-Index điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ mạnh quanh 1.210 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

19/7/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và xuyên suốt cho đến hết phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.237,79 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 55,8 điểm (-4,29%) xuống 1.243,51 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 5.500 đồng, VHM giảm 4.700 đồng, TCB giảm 3.600 đồng. Ở chiều ngược lại, DHG tăng 1.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và xuyên suốt đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 291,84 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 15,7 điểm (-5,1%) xuống 292,06 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 2.500 đồng, BAB giảm 1.700 đồng, THD giảm 3.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS tăng 2.800 đồng.

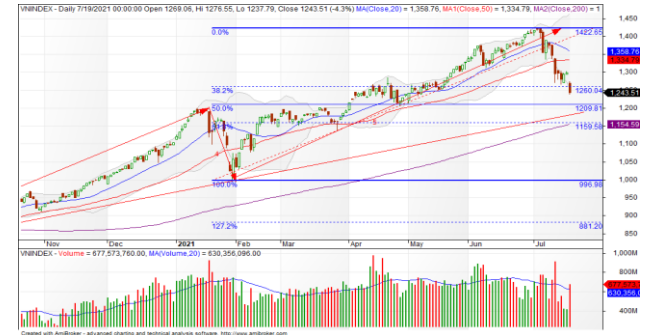
GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 101,44 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6 triệu cổ phiếu. FUEVFVND là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 202,6 tỷ đồng tương ứng với 8,4 triệu chứng chỉ quỹ, tiếp theo là KDH với 142,4 tỷ đồng tương ứng với 3,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 126,2 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 15,43 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 871 nghìn cổ phiếu. BSI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 7,2 tỷ đồng tương ứng với 361 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là MBS với 5,5 tỷ đồng tương ứng với 201 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2 tỷ đồng tương ứng với 17 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên đầu tuần với thanh khoản gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là khá mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Và với việc thị trường giảm mạnh trong phiên 6/7 qua đó xuyên thủng hỗ trợ ngắn hạn quanh MA20 ngày với thanh khoản cao hơn trung bình 20 phiên thì thị trường đã xác nhận bước sang sóng điều chỉnh a với target của sóng a quanh ngưỡng 1.210 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5).

Với việc giảm mạnh trong phiên đầu tuần thì thường thị trường sẽ dần có sự ổn định sau đó khi mà bên cung và bên cầu tìm được sự cân bằng.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 20/7, thị trường có thể sẽ biến động giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.210-1.260 điểm (fibonacci retracement 31,8% - 50% sóng tăng 5).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Cán cân thương mại thâm hụt do chu kỳ sản xuất nhưng vẫn cần thận trọng

Việt Nam nhập siêu 1 tỷ USD trong tháng 6 và nhập siêu 1,47 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm. Đại diện CIEM cho rằng chưa vội lo vì điều này bởi việc nhập khẩu tăng xuất hiện chủ yếu ở những nhóm hàng phục vụ chu kỳ sản xuất của doanh nghiệp.



TIN TRONG NƯỚC

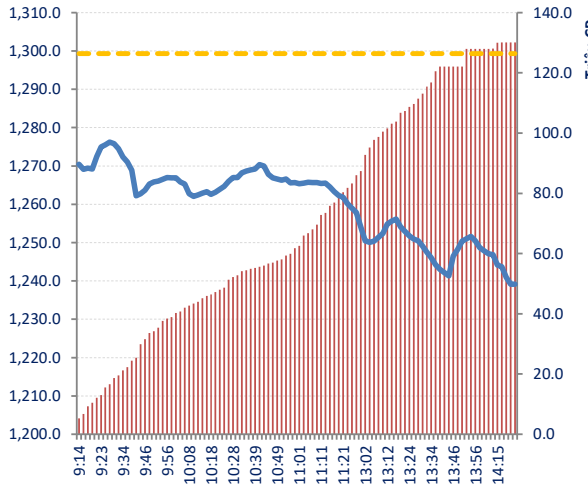
| | |
|-----------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước giảm | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,8 - 57,5 triệu đồng/lượng, giảm 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm không đổi | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 19/7 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.192 VND, giữ nguyên so với cuối tuần qua. |

TIN QUỐC TẾ

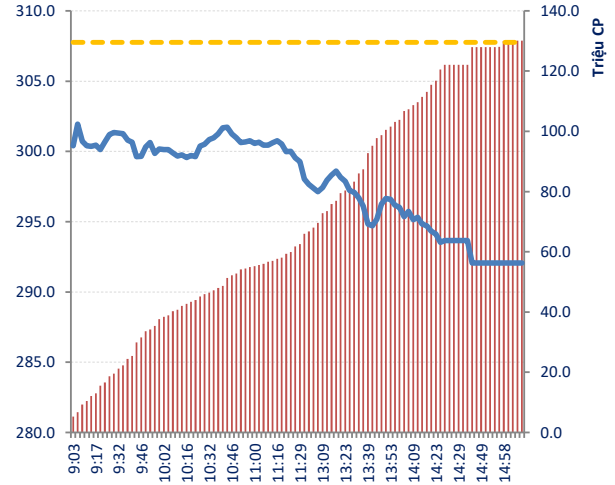
| | |
|----------------------------------|--|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 12,25 USD/ounce tương ứng với 0,68% xuống 1.802,55 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,336 điểm tương ứng 0,36% lên 93,028 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1768 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3704 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 109,75 JPY. |
| Giá dầu thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,94 USD/thùng tương ứng với 2,71% xuống 69,62 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ giảm điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/7, Dow Jones giảm 299,17 điểm tương đương 0,86% xuống 34.687,85 điểm. Nasdaq giảm 115,9 điểm tương đương 0,8% xuống 14.427,24 điểm. Nasdaq Composite giảm 32,87 điểm tương đương 0,75% xuống 4.327,16 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

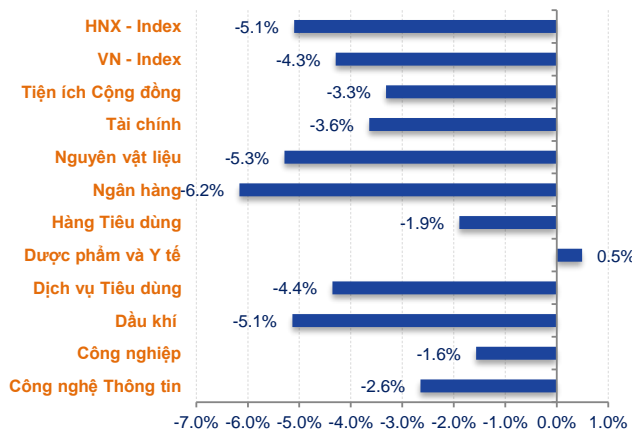
KLGD và VN-Index trong phiên



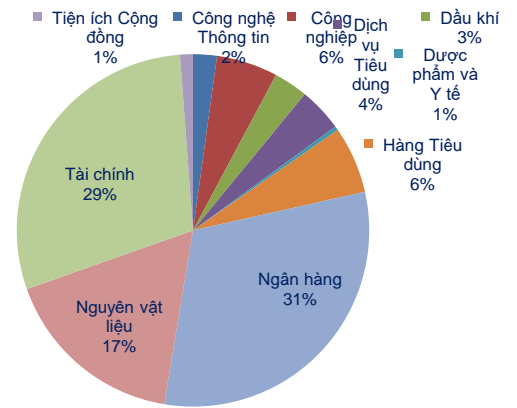
KLGD và HNX-Index trong phiên



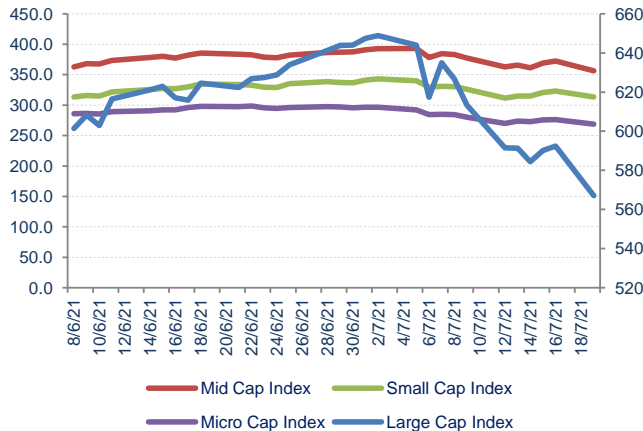
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



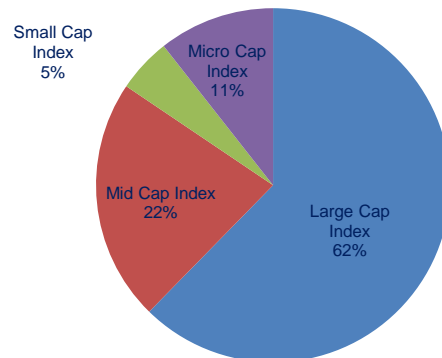
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|---------|-------------|----------|-------------|
| 1 | STB | 4,613,100 | FUEVFNVD | 8,438,200 |
| 2 | DXG | 2,120,000 | KDH | 3,756,200 |
| 3 | VNM | 1,438,000 | HPG | 1,581,200 |
| 4 | E1VFN30 | 1,295,800 | CTG | 850,800 |
| 5 | GEX | 650,900 | HCM | 640,400 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | BSI | 360,900 | DXS | 30,000 |
| 2 | MBS | 201,400 | NTP | 28,100 |
| 3 | APS | 65,100 | KLF | 22,400 |
| 4 | VND | 54,150 | TVB | 22,000 |
| 5 | KHG | 52,500 | VCS | 17,300 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 46.75 | 44.30 | ↓ -5.24% | 39,741,100 |
| STB | 28.45 | 27.50 | ↓ -3.34% | 39,727,500 |
| TCB | 51.60 | 48.00 | ↓ -6.98% | 39,527,900 |
| FLC | 11.05 | 10.30 | ↓ -6.79% | 31,948,400 |
| MBB | 29.10 | 27.15 | ↓ -6.70% | 22,151,000 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 28.10 | 25.60 | ↓ -8.90% | 19,096,136 |
| PVS | 24.80 | 22.50 | ↓ -9.27% | 16,472,534 |
| IDC | 32.30 | 30.00 | ↓ -7.12% | 11,099,978 |
| SHS | 39.90 | 36.40 | ↓ -8.77% | 10,447,817 |
| KLF | 3.80 | 3.50 | ↓ -7.89% | 7,800,988 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| VMD | 23.75 | 25.40 | 1.65 | ↑ 6.95% |
| SMA | 9.21 | 9.85 | 0.64 | ↑ 6.95% |
| DBT | 12.30 | 13.15 | 0.85 | ↑ 6.91% |
| PTL | 4.39 | 4.69 | 0.30 | ↑ 6.83% |
| JVC | 3.52 | 3.76 | 0.24 | ↑ 6.82% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| KHG | 15.00 | 19.50 | 4.50 | ↑ 30.00% |
| ADC | 25.20 | 27.70 | 2.50 | ↑ 9.92% |
| DNM | 34.40 | 37.80 | 3.40 | ↑ 9.88% |
| HEV | 11.20 | 12.30 | 1.10 | ↑ 9.82% |
| MEL | 14.40 | 15.80 | 1.40 | ↑ 9.72% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| HNG | 8.86 | 8.24 | -0.62 | ↓ -7.00% |
| DLG | 3.00 | 2.79 | -0.21 | ↓ -7.00% |
| ITC | 13.60 | 12.65 | -0.95 | ↓ -6.99% |
| LDG | 6.16 | 5.73 | -0.43 | ↓ -6.98% |
| SGT | 22.90 | 21.30 | -1.60 | ↓ -6.99% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| APS | 13.00 | 11.70 | -1.30 | ↓ -10.00% |
| MED | 45.10 | 40.60 | -4.50 | ↓ -9.98% |
| DVG | 12.10 | 10.90 | -1.20 | ↓ -9.92% |
| MBS | 29.50 | 26.60 | -2.90 | ↓ -9.83% |
| ALT | 14.30 | 12.90 | -1.40 | ↓ -9.79% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| HPG | 39,741,100 | 31.1% | 4,054 | 11.5 | 2.3 |
| STB | 39,727,500 | 3250.0% | 1,495 | 19.0 | 1.8 |
| TCB | 39,527,900 | 19.6% | 4,074 | 12.7 | 2.3 |
| FLC | 31,948,400 | 11.2% | 1,748 | 6.3 | 0.8 |
| MBB | 22,151,000 | 20.4% | 2,688 | 10.8 | 1.5 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 19,096,136 | 14.2% | 1,785 | 15.7 | 1.9 |
| PVS | 16,472,534 | 5.2% | 1,427 | 17.4 | 0.9 |
| IDC | 11,099,978 | 7.2% | 1,035 | 31.2 | 2.2 |
| SHS | 10,447,817 | 30.8% | 4,721 | 8.5 | 2.2 |
| KLF | 7,800,988 | -0.6% | (60) | - | 0.4 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|---------|-----|
| VMD | ↑ 6.9% | 9.8% | 2,311 | 10.3 | 1.0 |
| SMA | ↑ 6.9% | -20.6% | (1,867) | - | 1.1 |
| DBT | ↑ 6.9% | 2.3% | 384 | 32.1 | 0.7 |
| PTL | ↑ 6.8% | 0.0% | 1 | 4,074.2 | 0.6 |
| JVC | ↑ 6.8% | -15.4% | (681) | - | 0.9 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-----|-----|
| KHG | ↑ 30.0% | 6.4% | 705 | - | - |
| ADC | ↑ 9.9% | 21.0% | 4,098 | 6.1 | 1.2 |
| DNM | ↑ 9.9% | 23.1% | 6,200 | 5.5 | 1.2 |
| HEV | ↑ 9.8% | 13.9% | 2,208 | 5.1 | 0.7 |
| MEL | ↑ 9.7% | 12.1% | 1,563 | 9.2 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---------|-----------|-------|-------|-------|-----|
| STB | 4,613,100 | 9.4% | 1,495 | 19.0 | 1.8 |
| DXG | 2,120,000 | 0.3% | 61 | 354.2 | 1.2 |
| VNM | 1,438,000 | 33.1% | 5,222 | 16.4 | 5.3 |
| V1VFVN3 | 1,295,800 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| GEX | 650,900 | 12.3% | 1,936 | 11.3 | 1.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| BSI | 360,900 | 16.9% | 2,051 | 10.3 | 1.7 |
| MBS | 201,400 | 16.9% | 1,700 | 17.4 | 2.2 |
| APS | 65,100 | 23.9% | 2,370 | 5.5 | 1.2 |
| VND | 54,150 | 29.7% | 4,948 | 8.3 | 2.0 |
| KHG | 52,500 | 6.4% | 705 | - | - |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 380,160 | 22.1% | 5,708 | 18.0 | 3.8 |
| VHM | 358,557 | 31.2% | 8,023 | 13.6 | 3.9 |
| VIC | 357,861 | 5.2% | 1,969 | 53.7 | 2.6 |
| HPG | 209,109 | 31.1% | 4,054 | 11.5 | 2.3 |
| TCB | 180,853 | 19.6% | 4,074 | 12.7 | 2.3 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 71,820 | 51.6% | 10,779 | 19.0 | 12.7 |
| SHB | 54,108 | 14.2% | 1,785 | 15.7 | 1.9 |
| VCS | 17,744 | 39.6% | 9,561 | 11.6 | 4.2 |
| VND | 17,547 | 29.7% | 4,948 | 8.3 | 2.0 |
| BAB | 16,508 | 7.7% | 897 | 26.0 | 1.9 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| CTS | 2.99 | 18.7% | 2,444 | 8.5 | 1.5 |
| IJC | 2.73 | 23.7% | 3,606 | 6.6 | 1.5 |
| VDS | 2.69 | 29.6% | 3,222 | 7.2 | 1.8 |
| MHC | 2.57 | 43.7% | 5,513 | 1.7 | 0.6 |
| AGR | 2.54 | 5.9% | 572 | 22.3 | 1.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| WSS | 2.92 | -0.5% | (45) | - | 0.7 |
| ART | 2.67 | 2.3% | 270 | 32.2 | 0.8 |
| PSI | 2.55 | 1.8% | 183 | 48.1 | 0.8 |
| SPI | 2.49 | -11.2% | (1,049) | - | 1.5 |
| APS | 2.49 | 23.9% | 2,370 | 5.5 | 1.2 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
